TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1141/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 29/11/2018
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/TLPT-HNGĐ ngày 28/8/2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 527/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5307/2018/QĐXXPT - HNGĐ ngày 09/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9835/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 27/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Ánh H, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 630/15 Huỳnh Tấn P, phường Tân P1, Quận 7, Tp. HCM.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Bính Khiêm - Luật sư của Văn phòng Luật sư Việt Tin, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Hồ Trí Đ, sinh năm 1961 (có mặt)
Địa chỉ: 62/6 Trần Huy L, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. HCM.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - ông Hồ Trí Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Tô Ánh H trình bày:

Bà và ông Hồ Trí Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn số 127, quyển số 1/1986 do Ủy ban nhân dân Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/1986. Bà và ông Đ chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu về gây gổ với vợ con, cản trở công việc của vợ, ghen tuông thái quá. Bà không nhận được sự quan tâm chia sẻ từ chồng mà luôn bị áp đặt và cấm đoán khiến cuộc sống rất ngột ngạt. Vì vậy, suốt thời gian chung sống bà cảm thấy không có hạnh phúc, bà từng nộp đơn ly hôn vào năm 2004 và 2017 nhưng đều rút đơn với mong muốn hàn gắn gia đình nhưng không thành. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống và mong muốn chấm dứt cuộc sống hôn nhân với ông Đ, nên bà đã dọn ra ngoài ở riêng và yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 03 con chung tên Hồ Hoàng Long, sinh năm 1988; Hồ Ngọc Thảo Duyên, sinh năm 1993; Hồ Ngọc Diễm Xuân, sinh năm 1995. Các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Hồ Trí Đ trình bày:

Bà và ông Hồ Trí Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy công nhận kết hôn số 127, quyển số 1/1986 do Ủy ban nhân dân Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/1986. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bà H ghen tuông và dùng vũ lực với ông. Năm 2003, bà H lại tiếp tục ghen tuông với đồng nghiệp của ông, buộc ông phải nghỉ việc. Bà H hay ghen tuông vô cớ nhưng ông vẫn chịu đựng và chấp nhận vì ông còn rất thương yêu vợ. Theo ông thì mâu thuẫn gia đình đỉnh điểm bắt đầu từ cuối năm 2017, khi bà H đi 2 đám tang của 2 người bạn là đàn ông, tại đó bà H khóc thương quá đà nên ông không chấp nhận điều đó khi có mặt ông. Đồng thời ông không muốn bà H đi phòng trà nghe nhạc đến khuya. Nay ông xác định vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Hồ Hoàng Long, sinh năm 1988; Hồ Ngọc Thảo Duyên, sinh năm 1993; Hồ Ngọc Diễm Xuân, sinh năm 1995. Các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 527/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Ánh H được ly hôn với ông Hồ Trí Đ.

2. Về nuôi con chung: Các con chung của bà H, ông Đ đã trưởng thành nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 22/5/2018 ông Hồ Trí Đ kháng cáo không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn yêu thương vợ, muốn gia đình đoàn tụ và bà H cho rằng ông uống rượu bia bạo hành vợ con, đầu độc vợ, có ý nghĩ chung sống với hai đứa con gái sẽ làm con có bầu, ông có vợ nhỏ con riêng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Hồ Trí Đ trình bày: Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc hơn 32 năm nay, ông là người chồng, người cha tốt. Ông thừa nhận là có uống bia, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do bà Hồng ghen tuông, thường xuyên đi phòng trà về khuya nên ông không đồng ý. Ngoài ra việc bà H cho rằng ông uống bia bạo hành vợ con, đầu độc bà, có ý nghĩ chung sống với hai đứa con gái sẽ làm con có bầu và ông có vợ nhỏ, con riêng là vu khống. Ông xác định vẫn còn thương yêu vợ, nhận thấy vợ chồng vẫn có thể hàn gắn, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Mâu thuẫn trong gia đình ông Đ và bà H là có thật. Ông Đ bình thường là người tốt nhưng khi uống rượu bia vào là ông Đ thường xuyên gây gỗ, cản trở công việc của bà H, ông Đ luôn áp đặt và cấm đoán nên bà H cảm thấy không thoải mái dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc. Trong suốt thời gian xét xử từ cấp sơ thẩm cho đến nay, ông Đ cũng không hề thay đổi tính tình hay có hành động gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay mâu thuẫn giữa ông Đ và bà H ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án vì cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đã 32 năm, ông là người cha, người chồng tốt, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Tuy nhiên xét thấy, vào năm 2017 bà H

đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn. Ngày 02/02/2018 bà H tiếp tục xin ly hôn, chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà H mới tiếp tục xin ly hôn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, cho thấy thực sự cuộc sống vợ chồng của ông Đ và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không Đ được nên việc bà H xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử cho ly hôn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hồ Trí Đ làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Căn cứ Giấy công nhận kết hôn số 127, quyển số 01/1986 do Ủy ban nhân dân Quận 6, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/01/1986, thì hôn nhân giữa bà Tô Ánh H và ông Hồ Trí Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét kháng cáo của ông Đ cho rằng vẫn còn yêu thương vợ và muốn đoàn tụ gia đình, nhưng ông Đ không có hành động gì thể hiện việc muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Đ thừa nhận là có uống bia, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do bà H ghen tuông nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, ông Đ thừa nhận có cấm đoán việc bà H đi nghe ca nhạc về khuya nhưng cũng không đưa ra được lý do chính đáng về việc cấm đoán trên.

Hội đồng xét xử nhận thấy ông Đ và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai người không tìm được tiếng nói chung, nên không thể hàn gắn, cả hai đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Đ cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông Hồ Trí Đ không được chấp nhận, nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 527/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Ánh H được ly hôn với ông Hồ Trí Đ.
- Về việc nuôi con: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Ánh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/09524 ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Trí Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/09761 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q. Phú Nhuận;
- TAND Q. Phú Nhuận;
- Chi Cục THADS Q. Phú Nhuận;
- UBND Q. 6, TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: TGĐ, hồ sơ, TB (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA